

CÔNG TY TNHH RSV VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH RSV VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RSV VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RSV VN CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109586569

3. Ngày thành lập: 07/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21, Lô C9, khu biệt thự Geleximco Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973324466

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
2.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
3.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
4.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
5.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
9.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649(Chính)
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép, kim loại khác	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
21.	Bán buôn tổng hợp	4690
22.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá)	4719
23.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
24.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
25.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
26.	Bốc xếp hàng hóa	5224
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
29.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
30.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
31.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v... -Hoạt động thương mại điện tử	6399
32.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh, không bao gồm các mặt hàng bị Nhà nước cấm	8299
34.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô; -Cho thuê xe có động cơ khác.	7710
35.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
36.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
37.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729

38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; -Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; -Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; -Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển; -Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; -Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
39.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
40.	Xuất bản phần mềm	5820
41.	Lập trình máy vi tính	6201
42.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
43.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
44.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
45.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
46.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
47.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
48.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
49.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
50.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
51.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
52.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
53.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
54.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
55.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
56.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
57.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
58.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
59.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
60.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
61.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
62.	In ấn	1811
63.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

64.	Quảng cáo	7310
65.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
66.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
67.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
68.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
69.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
70.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động bán lẻ dược phẩm)	4772
71.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
72.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
73.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
74.	Trồng cây hàng năm khác	0119
75.	Trồng cây ăn quả	0121
76.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
77.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
78.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
79.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
80.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
81.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
82.	Chăn nuôi gia cầm	0146
83.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
84.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
85.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
86.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
87.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
88.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
89.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
90.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
91.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
92.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
93.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
94.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
95.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
96.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
97.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
98.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
99.	Sản xuất giày, dép	1520
100.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

101.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
102.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
103.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
104.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
105.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
106.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
107.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
108.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
109.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
110.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
111.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
112.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
113.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
114.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
115.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
116.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
117.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
118.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
119.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
120.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
121.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
122.	Bán buôn thực phẩm	4632
123.	Bán buôn đồ uống	4633
124.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
125.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
126.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
127.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
128.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
129.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
130.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
131.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

132.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
133.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
134.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
135.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4773
136.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
137.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
138.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
139.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN VĂN HUYNH	Thôn Ưông Thượng, Xã Minh Tân, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	100.000.000	5,000	030084002526	
2	TRẦN ĐÌNH HUY	Thôn Thanh Xuân, Xã Xuân Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	1.900.000.000	95,000	183631348	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN ĐÌNH HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183631348

Ngày cấp: 09/07/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thanh Xuân, Xã Xuân Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tòa VP6, Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội